

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG V NĂM 1997

Nhiều nơi thuộc các tỉnh từ Thừa Thiên-Huế trở vào, mưa nhiều, ít nắng; còn các nơi khác ít mưa, nhiều nắng.

Mức nước các sông trên phạm vi cả nước đều ở mức thấp.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh

Trong tháng có 4 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến thời tiết Bắc Bộ và phía Bắc Trung Bộ vào các ngày 9, 17, 22 và 28. Trong đó 2 đợt không khí lạnh xảy ra ngày 22 và 28 có cường độ mạnh, nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 8 - 10°C; mưa rào và dông xảy ra nhiều nơi, một số nơi có lượng mưa vừa, mưa to. Gió đông bắc trên đất liền mạnh cấp 3, cấp 4, ngoài khơi cấp 5, cấp 6.

b) Nắng nóng

Nhiều nơi thuộc các tỉnh ven biển Trung Bộ, Nam Bộ và một vài nơi thuộc Bắc Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiều nơi thuộc khu vực Thanh Hoá đến Quảng Trị có nhiệt độ cao nhất đạt tới 37 đến 39°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Sa Pa (Lào Cai): 13,4°C xảy ra ngày 23.

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Hương Khê (Hà Tĩnh): 39,1°C xảy ra ngày 8.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc các tỉnh từ Quảng Trị trở ra, có lượng mưa tháng thấp hơn TBNN; Nhiều nơi thuộc các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở vào có lượng mưa tháng xấp xỉ và cao hơn TBNN.

Có nơi lượng mưa tháng thấp nhất là Tam Kỳ (Quảng Nam): 30mm (-65mm).

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Bắc Quang (Hà Giang): 635mm (-186mm) và cũng là nơi có lượng mưa ngày lớn nhất 210mm/ngày 15.

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc khu vực từ Quảng Trị trở ra có số giờ nắng cao hơn TBNN, còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có số giờ thấp nhất là Đà Lạt (Lâm Đồng): 148 giờ (-48 giờ).

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Trà My (Quảng Nam): 265 giờ (+49 giờ).

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở các tỉnh Miền Bắc, tuy thời tiết ít mưa nhưng rải đều trong các tuần nên thời tiết vẫn thuận lợi đối với sự phát triển của cây lúa và nhiều loại cây trồng khác. Nếu sang tháng VI, thời tiết tiếp tục ít mưa sẽ ảnh hưởng không tốt đến sản xuất nông nghiệp.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Mức nước các sông ở Bắc Bộ trong tháng ở xu thế xuống, riêng sông Lô, những ngày đầu hạ tuần có đợt lũ nhỏ.

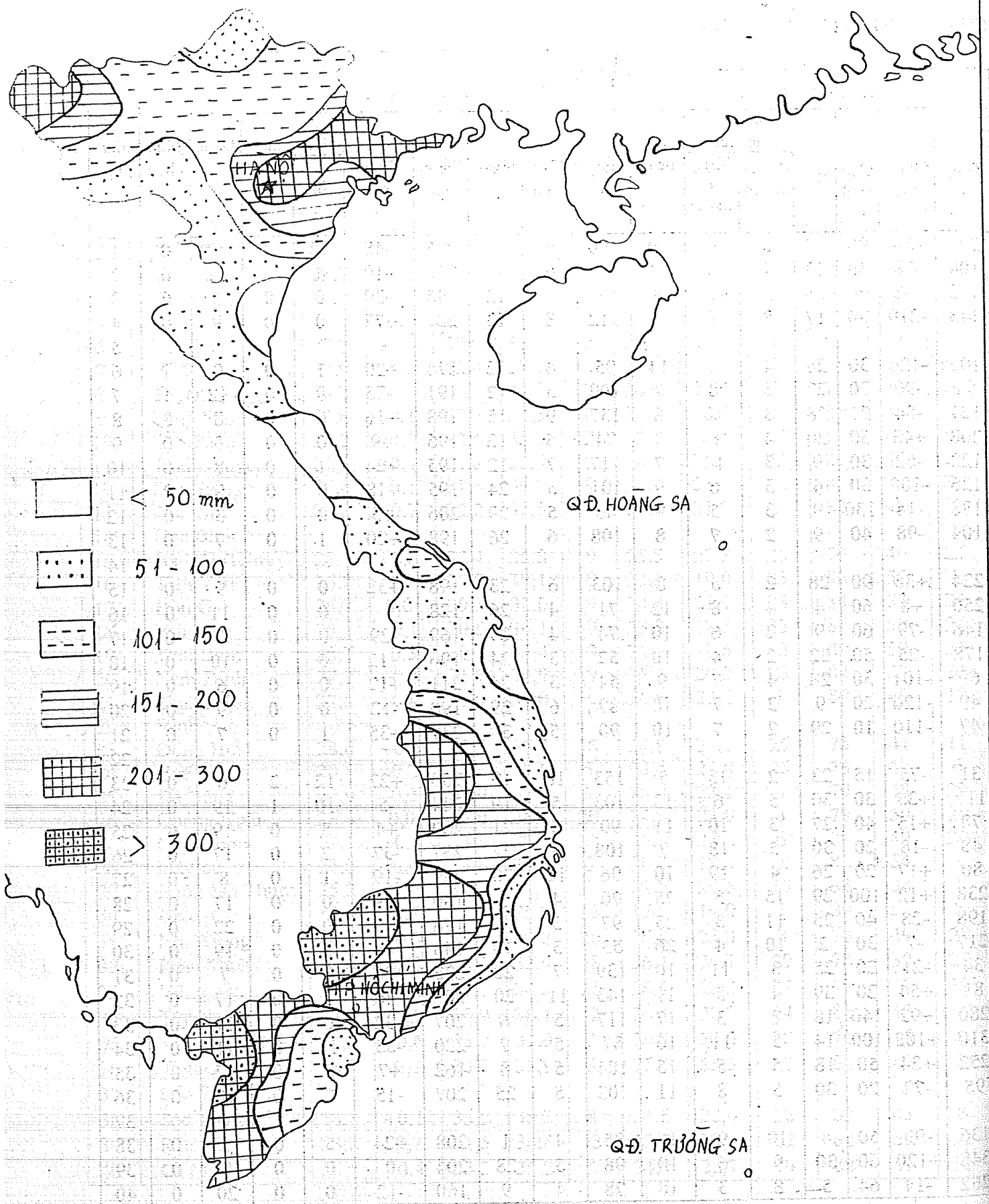
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

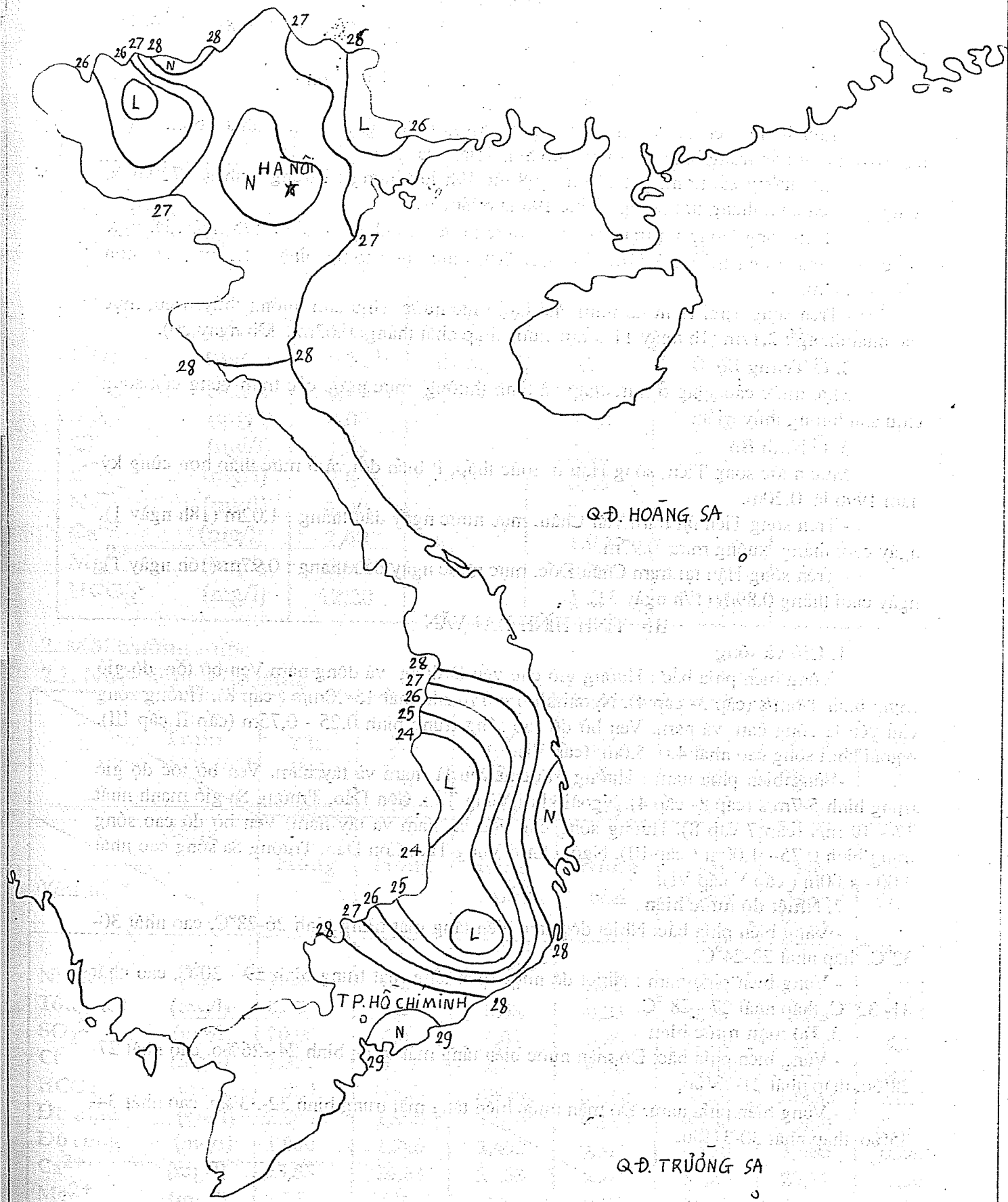
Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	26,9	+0,5	34,3	38,3	15	22,4	21,0	6	79	45	6
2	Điện Biên	26,1	+0,8	32,8	35,9	7	21,6	19,1	1	80	43	6
3	Sơn La	25,7	+1,0	31,8	34,7	7	21,3	18,2	2	72	33	12
4	Sa Pa	20,0	+1,7	24,2	27,7	7	17,0	13,4	23	76	39	12
5	Lào Cai											
6	Yên Bái	27,7	+1,0	32,0	35,4	12	24,3	20,2	1	83	48	29
7	Hà Giang	27,9	+1,2	32,8	35,3	13	24,0	19,6	1	76	39	30
8	Tuyên Quang	28,2	+1,1	30,7	36,0	12	24,6	21,2	1	77	45	24
9	Lạng Sơn	25,6	+0,1	30,2	33,5	10	22,3	18,2	25	81	47	1
10	Cao Bằng	26,2	+0,2	32,4	35,5	12	22,3	18,1	25	78	44	12
11	Thái Nguyên	27,4	+0,4	31,8	35,5	19	24,3	21,1	23	82	48	24
12	Bắc Giang	27,4	+0,1	31,6	34,7	19	24,2	21,2	9	83	49	25
13	Phú Thọ	27,8	+0,7	32,2	36,5	19	24,5	21,7	1	82	41	12
14	Hòa Bình											
15	Hà Nội (Láng)	28,1	+0,8	32,4	35,8	19	25,3	22,3	28	79	46	25
16	Tiên Yên	26,2	0,0	30,2	33,1	19	23,6	19,0	23	86	55	1
17	Hòn Gai	26,7	0,0	29,5	32,0	19	24,4	21,1	25	84	53	24
18	Phù Liên	26,5	+0,1	30,5	34,1	18	23,9	18,5	23	87	52	24
19	Thái Bình	26,7	-0,3	30,5	34,4	19	24,3	19,5	23	89	50	24
20	Nam Định	27,7	+0,4	31,7	34,9	19	25,1	20,3	23	84	53	24
21	Thanh Hóa	27,6	+0,4	31,9	37,0	19	24,6	22,4	1	80	49	19
22	Vinh											
23	Đông Hới	28,6	+0,6	33,7	37,5	16	24,9	21,3	25	75	44	11
24	Huế	28,1	-0,2	34,3	37,6	6	23,4	22,0	25	78	42	6
25	Đà Nẵng	27,9	-0,3	33,0	37,1	5	25,0	23,1	3	79	48	20
26	Quảng Ngãi	28,4	0,0	34,0	36,6	20	24,8	23,9	3	79	50	20
27	Quy Nhơn	29,1	+0,3	33,8	37,7	20	26,4	23,2	6	80	49	20
28	Plây-cu	23,5	-0,6	28,6	30,9	8	20,2	18,5	29	88	54	1
29	Buôn Ma Thuột	25,2	-0,6	31,3	34,6	1	22,0	20,6	15	83	38	1
30	Đà Lạt	19,0	-0,7	24,0	25,9	13	15,9	14,0	1	89	54	8
31	Nha Trang	28,6	+0,3	32,9	37,2	20	25,4	23,3	8	78	49	20
32	Phan Thiết	28,6	+0,3	33,1	35,9	18	26,1	24,1	29	78	39	20
33	Vũng Tàu	29,1	+0,2	31,9	34,3	21	26,6	23,2	27	79	49	19
34	Tây Ninh	28,0	-0,2	33,9	36,1	13	24,4	22,2	14	80	42	1
35	T.P. Hồ Chí Minh	28,9	+0,6	33,9	37,0	8	26,8	24,0	28	76	46	8
36	Tiền Giang	28,3	-0,2	33,3	35,9	8	25,4	23,5	22	81	43	8
37	Cần Thơ											
38	Sóc Trăng	28,1	+0,1	33,2	35,3	8	24,6	22,4	22	82	43	8
39	Rạch Giá	28,2	-0,7	31,5	34,8	13	25,7	23,4	22	82	55	13
40	Cà Mau	28,1	+0,4	33,3	35,2	4	24,9	22,7	30	82	47	12

Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG V NĂM 1997

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây - khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dầm nhất	Không mưa dầm nhất							Nhẹ	Mạnh			
221	-50	90	17	3	6	10	100	6	15	235	+48	10	2	10	0	1
104	-78	40	23	4	6	11	110	6	21	210	+10	4	0	11	0	2
103	-68	60	28	4	7	8	138	7	12	245	+39	0	0	6	0	3
143	-210	30	17	8	4	17	112	8	13	227	+77	0	0	9	0	4
102	-124	30	28	4	4	14	95	4	12	174	+20	1	0	9	1	5
94	-90	30	27	3	8	7	100	5	12	191	+25	0	0	12	1	6
127	-84	77	28	3	10	8	137	9	15	198	+16	0	0	8	3	7
208	+43	50	20	4	6	9	74	5	12	196	+9	0	0	9	0	8
122	-62	30	9	3	10	7	117	7	12	195	+24	1	0	8	0	9
126	-108	30	4	3	6	9	101	5	24	195	+18	0	0	9	0	10
188	-14	130	9	3	5	9	88	5	29	206	+3	0	0	3	0	11
104	-98	40	9	2	7	8	108	6	26	198	+20	1	0	7	0	12
224	+36	90	28	2	5	8	103	6	23	198	+32	0	0	9	0	13
250	+8	60	4	4	8	12	71	4	26	128		0	0	11	0	14
146	-79	60	9	2	6	10	74	4	29	169	-29	0	0	9	0	15
178	-25	50	22	2	4	10	52	3	24	196	+12	0	0	10	0	16
69	-101	30	28	4	7	9	54	3	24	211	+12	0	0	6	0	17
49	-126	20	9	2	7	10	89	6	29	190	-12	0	0	9	0	18
47	-110	10	29	2	7	10	90	5	30	237	+35	1	0	7	0	19
31	-75	15	23	2	13	5	153	10	19	250	+22	12	2	6	0	20
117	+35	30	30	5	6	13	103	5	19	244	-5	10	1	19	0	21
78	+15	40	27	3	10	11	90	5	21	260	+4	8	0	19	0	22
48	-18	20	30	5	18	7	108	5	22	237	-37	2	0	17	0	23
80	+17	20	26	4	19	10	96	10	20	259	-19	1	0	8	0	24
238	+12	100	29	15	3	25	70	4	2	180	-29	0	0	17	0	25
198	-28	40	25	11	3	25	97	5	2	178	-49	0	0	22	0	26
217	-7	30	2	10	4	26	53	3	20	148	-48	0	0	19	0	27
34	-21	20	25	3	11	10	139	7	20	223	-28	1	0	7	0	28
81	+54	20	29	4	5	11	143	11	20	202	-46	3	0	17	0	29
280	+92	140	18	7	3	17	117	5	6	207	-32	0	0	17	0	30
310	+102	100	14	5	11	16	87	5	7	220	-33	11	0	11	0	31
252	+34	50	18	5	5	15	104	5	8	162	+7	3	0	17	0	32
95	-72	20	30	5	8	11	102	5	25	207	-15	2	0	10	0	33
136	-90	50	4	10	9	16	85	4	1	208	+24	5	0	9	0	34
348	+120	60	30	9	6	10	98	5	28	204	0	0	0	0	0	35
262	-14	64	5	8	3	18	78	4	9	160	-12	0	0	20	0	36





Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng V năm 1997

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất trong tháng: 27,79m (19h ngày 1). mực nước thấp nhất trong tháng 25,72m (19h ngày 16).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất trong tháng: 18,77m (1h ngày 22) mực nước thấp nhất trong tháng 16,54m (7h ngày 20).

- Trên sông Đà tại hồ Hòa Bình, mực nước hồ ngày đầu tháng : 93,30m (7h ngày 1), ngày cuối tháng xuống mức 81,24m (7h ngày 31).

* Lưu lượng đến hồ lớn nhất tháng: $840\text{m}^3/\text{s}$ (19h ngày 3), nhỏ nhất $360\text{m}^3/\text{s}$ (7h ngày 16), lưu lượng trung bình $545\text{m}^3/\text{s}$, nhỏ hơn TBNN là 29,0%.

* Lưu lượng xả, từ ngày 1 đến ngày 8 lúc 19h lưu lượng xả trung bình là $1720\text{m}^3/\text{s}$, từ ngày 9 đến cuối tháng lưu lượng xả lúc 19h là $698\text{m}^3/\text{s}$.

- Trên sông Hồng tại trạm Hà Nội, mực nước cao nhất : 5,05m (7h ngày 1), mực nước thấp nhất trong tháng: 3,57m (7h ngày 20), mực nước trung bình : 4,27m , cao hơn TBNN 0,53m.

- Trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều, mực nước cao nhất tháng : 2,17m (1h ngày 11), mực nước thấp nhất tháng: 0,63m (13h ngày 20).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và bình thường, mực nước các trạm vùng cửa sông chịu ảnh hưởng thủy triều.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiên, sông Hậu ở mức thấp, ít biến đổi và ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 1996 là 0,20m.

- Trên sông Tiên tại trạm Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng : 1,02m (18h ngày 1), ngày cuối tháng xuống mức 0,97m.

- Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng : 0,97m (16h ngày 1), ngày cuối tháng 0,89m (17h ngày 31).

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc : Hướng gió chủ yếu là đông và đông nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3- cấp 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 16-20m/s (cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là đông nam và nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25 - 0,75m (cấp II cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 4,0 -5,0m (cấp VI).

-Vùng biển phía nam : Hướng gió chủ yếu là nam và tây nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3- cấp 4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 17 - 19 m/s (cấp 7 cấp 8). Hướng sóng chủ yếu là nam và tây nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75- 1,00m (cấp III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 3,00 - 4,00m (cấp V cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 26-28°C, cao nhất 30-32°C, thấp nhất 22-24°C.

- Vùng biển phía nam : Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29 - 30°C, cao nhất 31- 32 °C, thấp nhất 27 - 28 °C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 24--26‰, cao nhất 27-28‰, thấp nhất 21-23‰.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 32-33‰, cao nhất 34-35‰, thấp nhất 30-31‰.